

Số: 02/2023/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển
trong cộng đồng thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
thuộc các Chương trình Mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch
ngày 24 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Khoản 3 Điều 127 Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục
tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm
2025;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội
dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ
người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình
mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của
Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án
thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021
đến năm 2025;*

Căn cứ Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 – 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 62/TTr-STC ngày 07 tháng 3 năm 2023 đề nghị ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình Mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là dự án).

2. Các nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP) và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc giao vốn, quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật thực hiện dự án.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cộng đồng dân cư đề xuất dự án phát triển sản xuất: Nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

2. Quay vòng vốn: Là việc sử dụng một phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ để luân chuyển tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất của dự án hoặc chuyển sang hỗ trợ thực hiện dự án khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Thu hồi vốn quay vòng: Là việc thu hồi số vốn quay vòng nộp vào tài khoản tiền gửi của phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao phụ trách theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia mở tại Kho bạc nhà nước khi dự án kết thúc, để sử dụng hỗ trợ thực hiện dự án mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định

Điều 4. Hình thức, tỷ lệ quay vòng, luân chuyển

1. Hình thức quay vòng, luân chuyển

a) Tiền;

b) Trường hợp quay vòng bằng hiện vật thì xác định trên giá trị quy đổi ra tiền của hiện vật tại thời điểm thực hiện quay vòng, luân chuyển.

2. Tỷ lệ quay vòng, luân chuyển

a) Tỷ lệ quay vòng:

Đối với dự án, phương án thực hiện trên địa bàn đặc biệt khó khăn: Thu hồi tối thiểu 10% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho đối tượng theo quy định để thực hiện quay vòng, luân chuyển.

Đối với dự án, phương án thực hiện trên địa bàn khó khăn: Thu hồi tối thiểu 15% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho đối tượng theo quy định để thực hiện quay vòng, luân chuyển.

Đối với dự án, phương án thực hiện trên địa bàn còn lại: Thu hồi tối thiểu 20% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho đối tượng theo quy định để thực hiện quay vòng, luân chuyển.

b) Tỷ lệ quay vòng tại điểm a khoản này là tỷ lệ tối thiểu, căn cứ vào danh mục từng dự án, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án xác định tỷ lệ và dự kiến số kinh phí quay vòng trong quyết định phê duyệt dự án.

Điều 5. Trình tự, thời gian quay vòng, luân chuyển

1. Trình tự quay vòng, luân chuyển giữa các dự án

a) Kết thúc dự án, trong vòng 05 ngày làm việc, căn cứ quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền, cộng đồng dân cư tham gia dự án báo cáo tình hình thực hiện dự án và số kinh phí quay vòng gửi cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án.

b) Căn cứ báo cáo của cộng đồng dân cư và quyết định phê duyệt dự án, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án thực hiện kiểm tra, đối chiếu (hoặc ủy quyền cho phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã) và quyết định thu hồi kinh phí ngân sách nhà nước đã hỗ trợ thực hiện dự án theo tỷ lệ quay vòng để luân chuyển cho dự án khác.

c) Cộng đồng dân cư thực hiện nộp kinh phí thu hồi để thực hiện quay vòng, luân chuyển theo quyết định của cấp có thẩm quyền vào tài khoản tiền gửi của phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao phụ trách theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia tại Kho bạc Nhà nước.

d) Định kỳ 3 tháng một lần, phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao phụ trách theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia tổng hợp kinh phí quay vòng, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét thực hiện luân chuyển cho các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn.

2. Trình tự quay vòng, luân chuyển để tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất dự án trong cộng đồng

a) Kết thúc dự án, cộng đồng dân cư có nhu cầu mở rộng quy mô sản xuất dự án, thực hiện lập hồ sơ đề xuất dự án theo quy định. Đồng thời báo cáo tình hình thực hiện dự án và số kinh phí quay vòng gửi cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án làm căn cứ phê duyệt dự án.

b) Căn cứ quyết định phê duyệt dự án, cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng không đủ năng lực quản lý, phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao phụ trách theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia; Ủy ban nhân dân cấp xã cử cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý, tổ chức quay vòng luân chuyển.

3. Thời gian thực hiện quay vòng, luân chuyển: Tối đa 03 tháng từ ngày kết thúc dự án.

4. Quản lý kinh phí quay vòng, luân chuyển

a) Việc quay vòng một phần vốn hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước để thực hiện dự án phải phù hợp với quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền.

a) Kinh phí quay vòng được luân chuyển thực hiện các dự án theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Ưu tiên luân chuyển cho các dự án mới trên địa bàn các xã có dự án thực hiện thu hồi.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện giao phòng, ban trực thuộc phụ trách theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước để thu hồi vốn và sử dụng quay vòng theo quy định.

Tên tài khoản: Quỹ quay vòng các dự án hỗ trợ sản xuất cộng đồng.

Chủ tài khoản: Lãnh đạo phòng, ban trực thuộc phụ trách theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

Nơi mở tài khoản: Kho bạc nhà nước nơi giao dịch

Điều 6. Thực hiện quay vòng, luân chuyển vốn trong trường hợp dự án gặp rủi ro

1. Trường hợp trong quá trình thực hiện dự án, dự toán chịu ảnh hưởng bởi những phát sinh ngoài dự kiến như thiên tai, dịch bệnh hoặc các lý do bất khả kháng khác dẫn đến dự án không mang lại hiệu quả, kết quả đầu ra theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

2. Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ và đại diện cộng đồng lập biên bản xác định thiệt hại, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án để thực hiện điều chỉnh dự án đã phê duyệt.

3. Căn cứ tỷ lệ thiệt hại so với hiệu quả, kết quả đầu ra theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, xác định tỷ lệ và gia hạn thời gian quay vòng, luân chuyển vốn:

a) Thiệt hại dưới 30%: Thực hiện quay vòng, luân chuyển 80% trên tổng số vốn phải quay vòng, luân chuyển theo quy định. Thời gian gia hạn tối đa 6 tháng.

b) Thiệt hại từ 30% đến dưới 50%: Thực hiện quay vòng, luân chuyển 60% trên tổng số vốn phải quay vòng, luân chuyển theo quy định. Thời gian gia hạn tối đa 9 tháng.

c) Thiệt hại từ 50% đến dưới 70%: Thực hiện quay vòng, luân chuyển 40% trên tổng số vốn phải quay vòng, luân chuyển theo quy định. Thời gian gia hạn tối đa 12 tháng.

d) Thiệt hại từ 70% trở lên: Không thực hiện quay vòng, luân chuyển vốn.

Điều 7. Quy trình theo dõi, giám sát

1. Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, hằng năm và kết thúc dự án, cộng đồng dân cư thực hiện báo cáo kết quả thực hiện dự án: Tiến độ, kết quả thực hiện so với kế hoạch, mục tiêu dự án; khối lượng thực hiện các nội dung, hoạt động của dự án; tình hình thực hiện các nguồn vốn hỗ trợ.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã; phòng, ban trực thuộc phụ trách theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện:

a) Theo dõi, kiểm tra năng lực cộng đồng thực hiện, việc chấp hành quy định về quản lý dự án.

b) Giải quyết các vướng mắc, khó khăn thuộc thẩm quyền và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt thẩm quyền.

c) Báo cáo kết quả thực hiện việc theo dõi, kiểm tra định kỳ; các khó khăn vướng mắc đã giải quyết; các khó khăn vướng mắc vượt thẩm quyền.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Tổ chức chính trị- xã hội trên địa bàn cấp xã có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện dự án của cộng đồng dân cư, kịp thời thông tin, kiến nghị với Ủy ban nhân dân cấp xã những tồn tại, vướng mắc trong tổ chức thực hiện của cộng đồng dân cư.

Điều 8. Quyết toán kinh phí thực hiện

Thực hiện quyết toán chi ngân sách nhà nước theo số chi đã thực thanh toán và số chi đã hạch toán chi ngân sách nhà nước của dự án theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ban Dân tộc tỉnh.

a) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện quy định này và tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện quay vòng, luân chuyển vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo quy định này.

b) Chủ trì tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất hoạt động quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ (dưới dạng tiền mặt hoặc hiện vật) để luân chuyển trong cộng đồng đối với các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

c) Hướng dẫn xác định thiệt hại bởi những phát sinh ngoài dự kiến như thiên tai, dịch bệnh hoặc các lý do bất khả kháng khác đối với các dự án theo quy định tại Điều 5 Quyết định này.

2. Các sở, ban, ngành có liên quan:

a) Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện đúng theo nội dung yêu cầu tại Quyết định này.

b) Phối hợp giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện Quyết định này, hoặc phản ánh kịp thời với cơ quan có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quyết định hoặc chỉ đạo phòng, ban trực thuộc phụ trách theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia; Ủy ban nhân dân cấp xã xác định số vốn quay vòng đảm bảo đúng quy định.

b) Kiểm tra, xác định hoặc ủy quyền phòng, ban trực thuộc phụ trách theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia; Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, xác định việc luân chuyển vốn quay vòng cho dự án khác đảm bảo đúng quy định.

c) Báo cáo tình hình thực hiện quay vòng, luân chuyển vốn định kỳ 6 tháng, hằng năm và đột xuất về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan cấp tỉnh được giao phụ trách Chương trình Mục tiêu Quốc gia theo quy định.

4. Phòng, ban trực thuộc phụ trách theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia; Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:

a) Thực hiện tổ chức thực hiện theo các quy định Quyết định này; Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 10

tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 – 2025.

b) Thực hiện chế độ báo cáo theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2023.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT; Ủy ban Dân tộc; Bộ Lao động, Thương binh và XH;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ; các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Phòng Tin học, công báo - kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT..

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Giang